

Số: 347/2018/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 318/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Quốc T – sinh năm 1988

Địa chỉ: đường C, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Lâm C – sinh năm 1985

Địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc T và bà Lâm C đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND B, quận H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà C phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hòa hợp. Ông T và bà C đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể khắc phục, nên ông T và bà C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn của ông T và bà C là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông T và bà C.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T và bà C không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Quốc T và bà Lâm C thuận tình ly hôn.
- *Về con chung:* Ông Lê Quốc T và bà Lâm C không có con chung.
- *Về tài sản chung:* Ông Lê Quốc T và bà Lâm C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.
- *Về nợ chung:* Ông Lê Quốc T và bà Lâm C xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Quốc T và bà Lâm C phải chịu lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 6587 ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông T và bà C đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Thủy